

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số 243/2024/HS-ST
Ngày 30/12/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Long;
Ông Lương Văn Thoại.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm thuộc trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 240/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa ra xét xử số 234/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

T T V, sinh năm 1998; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Không cố định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông T T Đ và con bà H T L; gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 11/11/2024 đến ngày 17/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

Bị hại: Anh P M H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Đội B, thôn B1, xã B2, huyện K, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 15 phút ngày 11/11/2024, Tổ công tác Công an xã Đa Tốn tiến hành tuần tra, kiểm soát tại khu vực cánh đồng Kênh, đội 11, thôn Thuận Tốn, xã Đa Tốn, huyện K, Hà Nội phát hiện T T V đang có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 29N1 – 147.60 của anh P M H, sinh năm 1991; trú tại: Thôn B1, xã B2, huyện K, Hà Nội. Tổ công tác đã thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ T T V: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 29N1 – 147.60, số máy HA08E1156971, số khung RLHHA08098Y132224.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 270/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: *01 chiếc xe mô tô loại xe Honda Dream, màu nâu, BKS 29N1-147.60, số khung RLHHA08098Y132224, số máy HA08E1156971, đã qua sử dụng, mua từ tháng 6/2012 trị giá 9.500.000 đồng.*

Tại cơ quan điều tra, bị cáo T V V khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2024, T V V bỏ nhà đi lang thang, không có việc làm, không có tiền tiêu nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ ngày 11/11/2024, T V V đi bộ đến khu vực vườn cây tại cánh đồng Kênh, đội 11, Thuận Tốn, xã Đa Tốn phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 29N1 - 147.60 của anh P M H đang dựng trước cửa lều, xe không khóa cổ và không có người trông giữ nên T V V chui qua khe cửa đi bộ đến dắt chiếc xe máy trên đi được khoảng 03m thì bị Anh P M H và lực lượng Công an xã phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 29N1 – 147.60, số máy HA08E1156971, số khung RLHHA08098Y132224 thu giữ của bị cáo T T V. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe trên là anh P M H. Ngày 15/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K đã ra quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe trên cho anh P M H. Anh P M H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện K, T T V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 252/CT-VKSGL ngày 28 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo T T V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện K tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo T T V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T T V từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2024; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T V V.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh P M H không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện K đã xử lý vật chứng theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên không xét.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện K và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị hại là anh P M H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra. Xét thấy việc vắng mặt của Anh P M H không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh P M H.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh*:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, phù hợp với sơ đồ, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 12 giờ 15 phút ngày 11/11/2024, tại khu vực thôn Thuận Tồn, xã Đa Tồn, huyện K, Hà Nội, bị cáo T T V đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 29N1-147.60 có trị giá 9.500.000 đồng của anh P M H thì bị Công an bắt quả tang cùng tang vật. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo*:

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo*: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng không có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định.

[4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện K tại phiên toà là phù hợp.

[4.5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã trao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 29N1 - 147.60 cho anh P M H, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo T T V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T T V 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2024.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T V V.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã xử lý vật chứng theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên không xét; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Bị cáo T T V phải chịu 200,000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh P M H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã B (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA